

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

| | |
|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên Công ty | CÔNG TY CỔ PHẦN NAM DƯỢC |
| Tên tiếng Anh | Nam Duoc Joint Stock Company |
| Tên giao dịch viết tắt | Nam Duoc JSC. |
| Biểu tượng của công ty |  |
| Trụ sở | Lô M13 (C4-9), khu công nghiệp Hoà Xá, Thành Phố Nam Định, Tỉnh Nam Định. |
| Điện thoại | 0350 3671 674 |
| Fax | 0350 3671 932 |
| Giấy CNĐKKD | Số 010300383 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 04 tháng 03 năm 2004, thay đổi lần thứ tư, số 0703000745 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Nam Định cấp ngày 23 tháng 05 năm 2007. |

MỤC LỤC

| | |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| I. Lịch sử hoạt động của Công ty | 3 |
| 1. Những sự kiện quan trọng | 3 |
| 2. Quá trình phát triển | 3 |
| 2.1. Ngành nghề kinh doanh | 3 |
| 2.2. Tình hình hoạt động | 3 |
| 3. Định hướng phát triển | 4 |
| 3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty | 4 |
| 3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn | 5 |
| II. Báo cáo của Hội đồng quản trị | 5 |
| 1.Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm | 5 |
| 1.1.Những yếu tố khó khăn | 5 |
| 1.2. Những nhân tố thuận lợi: | 6 |
| 2. Tóm tắt một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008 | 6 |
| 3. Những thay đổi chủ yếu trong năm | 7 |
| 4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai | 7 |
| III. Báo cáo của Ban giám đốc | 8 |
| 1. Báo cáo tình hình tài chính | 8 |
| 1.1.Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 8 |
| 1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008 | 8 |
| 1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông | 9 |
| 2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 9 |
| 3. Những tiến bộ công ty đã đạt được | 9 |
| IV. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008 | 9 |
| 1. Bảng cân đối kế toán | 9 |
| 2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 11 |
| 3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 12 |
| V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán | 13 |
| 1. Đơn vị kiểm toán độc lập | 13 |
| 2. Ý kiến kiểm toán độc lập | 14 |
| VI. Các công ty có liên quan | 15 |
| 1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của của Công ty cổ phần Nam Dược | 15 |
| 2. Danh sách các công ty mà Nam Dược nắm giữ trên 50% vốn cổ phần: | 15 |
| 3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan | 15 |
| 4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan | 16 |
| 4.1. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược | 16 |
| 4.2. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam | 16 |
| VII. Tổ chức và nhân sự | 16 |
| 1.Ban điều hành của Công ty | 16 |
| 2. Tình hình nhân sự của Công ty năm 2008 | 17 |
| Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Nam Dược: | 18 |
| VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty | 18 |
| 1.Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 18 |
| 1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát | 18 |
| 1.2.Hoạt động của Hội đồng quản trị | 18 |
| 1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát | 19 |
| 1.4. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tỷ lệ nắm giữ vốn cổ phần tính đến 31/12/2008: | 19 |
| 2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn | 19 |

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng

Công ty cổ phần Nam Dược được thành lập vào ngày 01/01/2004, được Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Thành phố Hà Nội chính thức cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngày 04 tháng 03 năm 2004, có vốn điều lệ 3.500.000,000 đồng (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), với 23 cổ đông sáng lập. Trụ sở chính tại số 02 ngách 26/31, ngõ 26 Nguyễn Hồng, phường Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội. Chức năng kinh doanh thời điểm đó của công ty là kinh doanh, đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm; trang thiết bị y tế; Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược, mỹ phẩm.

- Ngày 07 tháng 02 năm 2005, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần một, trên cơ sở các ngành nghề cũ và bổ sung thêm các ngành nghề nuôi trồng, thu mua chế biến dược liệu và kinh doanh dược liệu.

- Ngày 25 tháng 04 năm 2006, Công ty thay đổi đăng ký kinh doanh lần hai, với danh sách cổ đông mới là 163 người. Vốn điều lệ lúc này tăng lên 11.600.000.000 đồng (*Mười một tỷ sáu trăm triệu đồng*)

- Tháng 9 năm 2006, Công ty hoàn thành việc xây dựng nhà máy sản xuất dược phẩm theo tiêu chuẩn GMP – WHO, GSP, GLP và là một trong những doanh nghiệp đầu tiên ở phía Bắc có nhà máy sản xuất dược phẩm đạt tiêu chuẩn này. Cũng trong năm này, Công ty chuyển trụ sở chính về Lô số M13(C14-9), Khu Công nghiệp Hoà Xá, Tỉnh Nam Định. Công ty thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ ba, do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Nam Định cấp. Vốn điều lệ tăng lên 33.000.000.000 đồng (*Ba mươi ba tỷ đồng*) với 245 cổ đông.

- Tháng 05 năm 2007, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tư với số vốn điều lệ là 41.688.000.000 đồng (*Bốn mươi một tỷ sáu trăm tám mươi tám triệu đồng*). Ngày 25 tháng 06 năm 2007, Công ty chính thức trở thành công ty đại chúng.

- Trong năm 2008, Thông qua lấy phiếu biểu quyết của cổ đông đã tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 (*Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng*). Hiện tại công ty đang tiếp tục thực hiện việc tăng vốn này.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, dược liệu;
- Đại lý mua bán, ký gửi dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm, trang thiết bị y tế;
- Kinh doanh trang thiết bị y tế;
- Tư vấn, đào tạo và dịch vụ chuyển giao công nghệ dược phẩm - mỹ phẩm;
- Nuôi trồng cây dược liệu.

2.2. Tình hình hoạt động

Năm 2008, Nam Dược đã hoàn thiện xây dựng bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS (nhận chứng nhận ngày 21/04 do tổ chức NOA Anh Quốc cấp) đầu tiên trong ngành Dược Việt Nam (ISO 9001:2000, ISO 14000, HACCP, SA 8000) và hiện đang được tổ chức JICA Nhật Bản tài trợ và trực tiếp hỗ trợ triển khai xây dựng hệ quản lý chất lượng toàn diện TQM (dự kiến tháng 09/2009 sẽ có chứng nhận). Đây là yếu tố quan trọng khẳng định uy tín và thương hiệu Nam Dược trên thị trường dược phẩm trong nước và tiến tới mở rộng địa bàn hoạt động kinh doanh cả lĩnh vực xuất khẩu dược phẩm và thực phẩm chức năng.

Công ty đang tiếp tục tiến hành hợp tác với nhiều chuyên gia, nhà khoa học tại các viện nghiên cứu trong nước và các trường Đại học để phát triển các sản phẩm, các dạng bào chế mới. Đồng thời, công ty cũng hợp tác với một số công ty dược phẩm lớn tại Trung Quốc – đất nước được xem là “cái nôi của y học phương Đông”, có ngành dược phẩm, đặc biệt là đông dược rất phát triển, để nghiên cứu và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó, công ty có hệ

thống phân phối sản phẩm trải dài khắp cả nước và đang tiếp tục hoạt động hiệu quả. Nam Dược đang hướng tới tiêu chuẩn GMP châu Âu và Mỹ, để khẳng định tiêu chuẩn chất lượng, và trong 05 năm tới sẽ trở thành một trong 10 doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm tại thị trường Việt Nam.

Tuy là một doanh nghiệp trẻ, nhưng Nam Dược đang dần khẳng định được vị trí của mình, không ngừng phát triển. Đến nay doanh nghiệp đã đạt được một số thành quả đáng khích lệ sau:

- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Nam Định tặng Giấy khen cho Công ty đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh năm 2007 tại các Khu công nghiệp Tỉnh Nam Định.
- Ban Quản lý các Khu công nghiệp Tỉnh Nam Định tặng Giấy khen cho đơn vị đã có thành tích thực hiện tốt công tác an toàn, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ năm 2007.
- Cục thuế Tỉnh Nam Định tặng Giấy khen cho đơn vị đã có thành tích chấp hành tốt các chính sách thuế năm 2007.
- Năm 2007: Ủy Ban Nhân Dân thành phố Nam Định tặng Giấy khen cho đơn vị đã có thành tích góp phần vào sự nghiệp phát triển văn hoá thông tin, thể thao thành phố.
- Liên đoàn lao động Tỉnh Nam Định tặng bằng khen cho Công đoàn cơ sở Tỉnh Nam Định đã có thành tích xuất sắc trong phong trào công nhân viên chức lao động và hoạt động công đoàn năm 2007.
- Hiệp hội doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam tặng bằng khen cho đoàn nghệ thuật quần chúng Công ty cổ phần Nam Dược với thành tích xuất sắc trong phong trào văn hoá văn nghệ của cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam.

3. Định hướng phát triển

3.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

□ Hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư

- Đa dạng hoá khai thác nhà máy thông qua việc mở cơ chế và mời bao tiêu sản phẩm: công ty thực hiện bao tiêu các mặt hàng tân dược, các mặt hàng đông dược, thực phẩm chức năng với giá cả hợp lý, cạnh tranh để gia công với số lượng lớn nhằm khai thác, khấu hao nhà máy và tạo điều kiện để nhà máy độc lập hạch toán.

- Phân nhóm, làm mạnh một số sản phẩm độc đáo: Tùy theo nguồn lực và hệ thống phân phối, Nam Dược đầu tư có trọng tâm vào những mặt hàng thực sự chất lượng và có lợi thế cạnh tranh.

- Tập trung khảo sát, sàng lọc các tri thức sử dụng thuốc trong dân gian, đặc biệt là những bài thuốc có giá trị đã được chiết lọc, đánh giá, sử dụng qua nhiều thế kỷ (các bài thuốc gia truyền): Để thực hiện việc khai thác này, công ty mở ra cơ chế trả phí chuyển giao và phí khai thác các bài thuốc này đảm bảo quyền lợi và thể hiện sự tôn trọng bản quyền trí tuệ. Đồng thời các bài thuốc trước khi chuyển giao đều được các chuyên gia, các nhà khoa học tham gia cố vấn, nên luôn đảm bảo chất lượng thuốc vượt trội. Đây là hướng đi phù hợp với đường lối của Đảng trong việc hiện đại hoá Y học cổ truyền (chỉ thị 24 (04/07/2008) của Ban Bí Thư), tận dụng được lợi thế của dân tộc, phù hợp với luật pháp quốc tế, sự minh bạch và lành mạnh trong hướng đi.

□ Hoạt động tiếp thị, quảng bá thương hiệu

- Quảng bá thương hiệu thông qua các hoạt động xã hội mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng: Hỗ trợ các quỹ sức khoẻ cộng đồng, các giải thưởng văn học, các hoạt động văn hoá, đoàn thể

- Thường xuyên có các chương trình xúc tiến; mở rộng các chương trình tiếp thị quảng bá tạo dựng hình ảnh thương hiệu tốt trong lòng người tiêu dùng.

- Xây dựng đội ngũ tiếp thị chuyên nghiệp và đội ngũ trình dược viên có chuyên môn để tuyên truyền và quảng bá các sản phẩm của Công ty đến tận tay người tiêu dùng.
- Mở rộng hệ thống phân phối thông qua việc kiện toàn hoạt động hệ thống công ty thành viên; Liên kết với các công ty phân phối tạo thành các công ty vệ tinh.
- Tăng cường công tác xúc tiến thương mại, mở rộng quan hệ với các đối tác trong và ngoài nước để mở rộng thị trường tiêu thụ.

□ Hoạt động tài chính

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn, đáp ứng cho nhu cầu đầu tư phát triển.
- Tích cực tìm kiếm các nguồn vốn tài trợ với lãi suất thấp.

3.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Với định hướng trở thành nhà sản xuất dược phẩm hàng đầu Việt Nam, Nam Dược hết sức chú trọng cung cấp các sản phẩm đông dược, tân dược và các sản phẩm chức năng có hiệu quả điều trị cao và độc đáo.

Nam Dược phấn đấu đạt và duy trì các tiêu chuẩn GMP-IMS-TQM (hoàn thiện toàn bộ vào tháng 09/2009). Với việc sản xuất các sản phẩm dược phẩm, thực phẩm chức năng có nguồn gốc từ thiên nhiên, chất lượng cao, đảm bảo các tiêu chuẩn mới nhất về sản xuất kỹ thuật, bảo quản của trong nước và quốc tế, phong phú về chủng loại nhưng vẫn đảm bảo giá thành hợp lý. Nam Dược là thương hiệu sản phẩm dược đã được giới chuyên môn và người tiêu dùng đánh giá cao trong thời gian gần đây và phấn đấu là thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các chế phẩm từ thiên nhiên.

Công ty lựa chọn một chiến lược phát triển bền vững. Các kế hoạch đầu tư phát triển như: tăng vốn điều lệ Công ty, cơ cấu lại nguồn vốn và nâng cao năng lực tài chính, phát huy năng lực sản xuất của phân xưởng sản xuất thuốc hiện có và nhà máy sản xuất đông dược đạt tiêu chuẩn GMP – WHO, GSP, GLP, mở rộng hệ thống phân phối, phát triển các sản phẩm mới, khẳng định chất lượng sản phẩm thông qua bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS (ISO 9001:2000, ISO 14000, HACCP, SA 8000), quản lý chất lượng toàn diện (TQM) v.v... sẽ góp phần khẳng định vị trí và thương hiệu hàng đầu của Nam Dược trong ngành Dược Việt Nam.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1.Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm

1.1.Những yếu tố khó khăn

- Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu và đất nước trong giai đoạn lạm phát và suy thoái, mỗi doanh nghiệp đều bị tác động không nhỏ đến tình hình hoạt động kinh doanh, đặc biệt là đối với những doanh nghiệp còn mới như Nam Dược.
- Nam Dược là doanh nghiệp mới non trẻ, nguồn vốn của công ty phụ thuộc rất nhiều vào sự tài trợ của các tổ chức tín dụng. Cơ cấu tài chính từ tháng 03/2008 đến nay đã ảnh hưởng rất lớn đến tình hình hoạt động của Nam Dược. Các ngân hàng, tổ chức tín dụng thắt chặt nguồn tiền cung cấp cho các doanh nghiệp nên các khoản vay vốn lưu động ngân hàng để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đều không thực hiện được, khiến Công ty gặp muôn vàn khó khăn ..
- Hiện nay, Việt Nam đã là một thành viên chính thức của WTO, những rào cản thương mại đang dần được gỡ bỏ khiến cho cạnh tranh kinh tế càng quyết liệt hơn. Gia nhập WTO là cơ hội và cũng là thách thức đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong nước.
- Ngành Dược Việt Nam có tốc độ tăng trưởng bình quân khá cao, trong các năm qua. Mặt khác, tính hấp dẫn của thị trường dược đã thu hút nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia, tình hình cạnh tranh trong ngành ngày càng cao.

1.2. Những nhân tố thuận lợi:

- Năm 2008 là năm nền kinh tế trải qua nhiều khó khăn, tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục được đánh giá là nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao (6,2%) và là điểm đầu tư hấp dẫn. Một số chính sách tài khoá của chính phủ bắt đầu phát huy tác dụng: lạm phát tăng chậm lại, các Ngân hàng thương mại đồng loạt hạ lãi suất ...

- Với sự mạnh dạn đầu tư xây dựng một cơ sở hạ tầng quy chuẩn, một nền tảng văn hóa vững mạnh và một tầm nhìn chiến lược dài hạn xuyên suốt, rõ ràng. Nam Dược đã có những bước tiến nhanh và mạnh trên thị trường. Thương hiệu và uy tín về chất lượng và hiệu quả điều trị của sản phẩm Nam Dược được khẳng định và thừa nhận của người tiêu dùng, giới chuyên môn.

- Tập thể cán bộ nhân viên đoàn kết, có tinh thần sáng tạo và nhiệt tình công tác cùng với ban lãnh đạo Công ty có nhiều kinh nghiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết nhất trí và sự phân công, phối hợp điều hành hiệu quả.

- Dù trong thời gian qua, việc duy trì hoạt động chỉ ở mức duy trì tối thiểu, nhưng những biện pháp cấp bách và kịp thời đã được thực hiện và mang lại những kết quả khả quan, bước đầu hạn chế được những khó khăn trong sản xuất và kinh doanh. Điển hình như biện pháp tạo cơ chế và mời bao tiêu sản phẩm mà qua đó Nam Dược đã chuyển giao 30 sản phẩm cho 5 công ty khác bao tiêu và có 6 sản phẩm được cán bộ công nhân viên cùng nhau góp vốn để đầu tư. Những mặt hàng này đều đang có mức tăng doanh số nhanh.

2. Tóm tắt một số chỉ tiêu kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2008

a. Bảng thể hiện một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính : Nghìn đồng

| Chỉ tiêu | 2007 | 2008 | % tăng giảm của 2008 so với 2007 |
|-----------------------------------|-------------|-------------|-----------------------------------------|
| Tổng giá trị tài sản | 134.181.825 | 135.605.870 | 1,06% |
| Doanh thu thuần | 64.752.379 | 44.529.515 | -31,23% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 240.849 | -23.900.817 | -10023,57% |
| Lợi nhuận khác | 837.620 | -57.689 | -106,89% |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.078.469 | -23.958.506 | -2321,53% |
| Lợi nhuận sau thuế | 1.078.469 | -23.958.506 | -2321,53% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2007 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008 của CTCP Nam Dược

b. Bảng thể hiện một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh năm 2008 so với kế hoạch

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Chỉ tiêu | KH Năm 2008 | Thực hiện năm 2008 | % thực hiện so với KH |
|-----------------|--------------------|---------------------------|------------------------------|
| Vốn chủ sở hữu | 55.000.000 | 30.205.739 | -45,08% |
| Vốn điều lệ | 41.672.000 | 41.672.000 | - |

| | | | |
|------------------------------------------|------------|-------------|------------|
| Doanh thu thuần | 59.700.000 | 44.529.515 | -25,41% |
| Lợi nhuận sau thuế | 298.000 | -23.958.506 | -8139,77% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | 0,50% | -53,80% | -10860,73% |
| Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | 0,54% | -79,32% | -14739,18% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008 của CTCP Nam Dược

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm

- Năm 2008, về hoạt động quản trị và điều hành doanh nghiệp, Nam Dược lấy tồn tại, vượt qua khủng hoảng, tránh nguy cơ biến cuộc khủng hoảng tin dụng trong doanh nghiệp thành khủng hoảng nội bộ có thể dẫn đến đổ vỡ và phá sản làm mục tiêu duy nhất; Từng bước ổn định Công ty và chuẩn bị cơ sở phát triển trong thời kỳ hậu khủng hoảng.
- Chuyển hướng chiến lược phân phối từ việc đầu tư cả theo chiều rộng và chiều sâu vào hệ thống bệnh viện (ETC) sang đầu tư vào các mặt hàng trọng tâm thị trường nhà thuốc (OTC).
- Thu hút nguồn lực tín dụng bằng cách đa dạng hóa hình thức đầu tư như Bao tiêu, Đầu tư tài chính, bán cắt lô. Chính sách đa dạng hóa nguồn lực đầu tư đã cơ bản giúp công ty bước qua "cơn bão tài chính", tránh nguy cơ phá sản và tăng thương hiệu công ty, khẳng định đẳng cấp về chất lượng sản phẩm của công ty, đưa số sản phẩm của công ty ra thị trường cả về số lượng và tổng doanh số trên thị trường tăng nhanh trong cuối năm 2008.
- Tăng cường chuẩn hóa các hoạt động quản lý bằng việc tái thẩm định GMP – WHO lần 2, thực hiện và hoàn thiện bộ tích hợp tiêu chuẩn IMS (ISO 9001, ISO 14000, GMP-WHO, HACCP, SA8000), tiếp nhận tài trợ và triển khai hệ thống quản lý chất lượng toàn diện của tổ chức JICA Nhật bản.
- Tìm kiếm và chuẩn bị các nguồn lực quan trọng, đặc biệt những sản phẩm độc đáo, có bí quyết bảo chế cao và tiềm năng thị trường, tiềm năng lợi nhuận lớn để bứt phá vào thời kỳ hậu khủng hoảng, đặc biệt là các sản phẩm chuyển giao từ các nhà thuốc gia truyền. Đồng thời chuẩn hóa các bài thuốc và tối ưu hóa hiệu quả điều trị, nâng cao uy tín và thương hiệu sản phẩm bằng việc hợp tác với các cơ sở nghiên cứu có uy tín.

4. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

- Chuyên nghiệp và tối thiểu hóa chi phí khu vực sản xuất và khu vực phân phối. Đưa các chỉ số chi phí thấp hơn chi phí bình quân ngành và lợi nhuận cao hơn lợi nhuận bình quân ngành.
- Nhanh chóng ổn định và phát triển công ty nhằm thu hồi những khoản đầu tư và chi phí để tránh đổ vỡ và phá sản của năm 2008.
- Thu hút tối đa các nguồn lực trong và ngoài doanh nghiệp (Bao tiêu – Đầu tư tài chính – Quỹ hỗ trợ phát triển nhà nước – Dự án nghiên cứu ứng dụng của ngành, nhà nước).
- Cân bằng hợp lý các nhóm lợi ích (Cổ đông - Đối tác bao tiêu – Đối tác đầu tư tài chính - Cán bộ công nhân viên). Lấy mục tiêu lợi nhuận cho doanh nghiệp và cổ tức cho cổ đông làm mục tiêu ưu tiên trong năm 2009 – 2010.
- Hoàn thiện hệ thống quản lý toàn diện theo tiêu chuẩn TQM do tổ chức JICA (Nhật Bản) và chính phủ Việt Nam hỗ trợ thực hiện.

III. Báo cáo của Ban giám đốc

1. Báo cáo tình hình tài chính

1.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2007 | Năm 2008 |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------|-----------------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) | 1,06 | 1,80 |
| + Hệ số thanh toán nhanh (lần) (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn) | 0,62 | 1,34 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | |
| + Nợ phải trả/Tổng tài sản (lần) | 0,65 | 0,69 |
| + Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (lần) | 1,89 | 2,20 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho (lần) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) | 1,35 | 1,38 |
| + Vòng quay tổng tài sản (lần) (Doanh thu thuần/Tổng tài sản) | 0,39 | 0,08 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%) | 2,23 | -53,80% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%) | 2,55 | -56,83% |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%) | 0,88 | -17,76% |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần(%) | 1,37 | -53,67% |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2007 và Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008 của CTCP Nam Dược

1.2. Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2008

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Tài sản | | Nguồn vốn | |
|---------------------|--------------------|--------------------|--------------------|
| I. Tài sản ngắn hạn | 81.794.969 | I. Nợ phải trả | 105.400.131 |
| II. Tài sản dài hạn | 53.810901 | II. Vốn chủ sở hữu | 30.205.739 |
| Tổng cộng | 135.605.870 | Tổng cộng | 135.605.870 |

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008 của CTCP Nam Dược

1.3. Những thay đổi về vốn cổ đông

Năm 2008, Công ty cổ phần Nam Dược không có sự thay đổi nào về vốn cổ đông. Tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty là 41.672.000.000 đồng (*bốn mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu đồng*), chia thành 4.167.200 cổ phiếu phổ thông, mệnh giá 10.000 đồng (không có cổ phần ưu đãi). Tất cả đều đang được lưu hành.

Trong năm, thông qua lấy ý kiến biểu quyết của cổ đông đã tăng vốn điều lệ lên 56.800.000.000 (*Năm mươi sáu tỷ tám trăm triệu đồng*) bằng cách phát hành riêng lẻ thêm 1.511.200 cổ phiếu. Hiện tại công ty đang tiếp tục thực hiện việc tăng vốn này.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Hầu hết các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm vừa qua đều không đạt được kế hoạch đã đặt ra. Nguyên nhân của việc không hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch do Công ty chịu ảnh hưởng nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế trong năm:

- *Chi phí duy trì cho hoạt động thị trường* bị ngưng trệ, dẫn đến hầu hết các mặt hàng khi đã vào được danh mục bán hàng bảo hiểm trên cả nước (33 sản phẩm vào thầu ở 47 tỉnh thành) thì không thể triển khai đưa hàng vào thị trường. Theo kế hoạch năm 2008, quý I, quý II là thời điểm đầu tư xây dựng hệ thống và thiết lập kênh bán hàng vào bảo hiểm y tế trên toàn quốc, với kỳ vọng rằng quý III là thời điểm doanh số tăng nhanh và quý IV sẽ tăng nhanh doanh thu. Nhưng vì thiếu chi phí, mọi hoạt động đã bị chững lại, ảnh hưởng quá lớn đến lộ trình phát triển công ty như trên.

- *Chi phí sản xuất* : Cùng với sự thiếu vốn, chi phí nguyên phụ liệu thiếu nên đầu vào cho nhà máy sản xuất cũng gặp khó khăn và đình trệ.

- *Nợ lương trên toàn hệ thống*: Có những thời điểm như tháng 9/2008, tháng 12/2008 công ty đã nợ lương cán bộ công nhân viên đến 6-7 tháng.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được

Năm 2008 là một năm vô cùng khó khăn đối với Công ty cổ phần Nam Dược, tuy nhiên với những giải pháp ứng phó kịp thời, Công ty đã có những thay đổi tích cực sau:

- *Về tài chính*: Tăng doanh số và cải thiện chính sách thu nợ trong 30 ngày nhằm thúc đẩy tiền thu về. Tiếp cận được các nguồn vốn ưu đãi, nguồn vốn vay hỗ trợ doanh nghiệp của chính phủ, trong đó có hồ sơ vay ngân hàng phát triển đã được phê duyệt và có kế hoạch giải ngân trong tháng 5/2009.

- *Về hoạt động nghiên cứu và phát triển*: Chính văn hóa doanh nghiệp và chiến lược phát triển lâu dài đã lôi kéo được sự quan tâm của nhiều nhà thuốc gia truyền, cùng với đó là những sản phẩm sắp được chuyển giao với tính độc đáo và hiệu quả điều trị rất tốt. Đây cũng là điểm mạnh mà Nam Dược rất tự tin là sẽ có những bước tiến đột phá trong thời gian tới.

IV. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán năm 2008

1. Bảng cân đối kế toán

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Tại ngày 31/12/2008 | Tại ngày 01/01/2008 |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 81.794.969.262 | 67.860.305.743 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4.1 | 1.053.560.040 | 735.200.118 |
| 1. Tiền | 111 | | 1.053.560.040 | 735.200.118 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 51.446.168.010 | 38.200.374.970 |

| | | | | |
|-----------------------------------------------|------------|------------|------------------------|------------------------|
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | | 35.841.672.737 | 34.519.884.331 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | | 4.143.818.607 | 3.049.441.819 |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | 4.2 | 11.460.676.666 | 631.048.820 |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | 4.3 | 27.641.738.810 | 27.518.484.527 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | | 27.641.738.810 | 27.518.484.527 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | | - | - |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | 4.4 | 1.653.502.402 | 1.406.246.128 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 57.427.915 | 27.667.740 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | 152 | | 33.508.909 | 311.103.783 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | | 297.090.720 | 297.090.720 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | | 1.265.474.858 | 770.383.885 |
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 53.810.901.435 | 66.321.519.945 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 49.547.169.384 | 57.078.276.260 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | 4.5 | 48.906.026.884 | 56.194.249.637 |
| - Nguyên giá | 222 | | 64.720.132.173 | 64.626.769.209 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (15.814.105.289) | (8.432.519.572) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | 4.6 | - | 162.741.307 |
| - Nguyên giá | 225 | | 723.284.168 | 723.284.168 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (723.284.168) | (560.542.861) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | 4.7 | 641.142.500 | 721.285.316 |
| - Nguyên giá | 228 | | 801.428.129 | 801.428.129 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (160.285.629) | (80.142.813) |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 255.000.000 | 255.000.000 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | 4.8 | 255.000.000 | 255.000.000 |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.008.732.051 | 8.988.243.685 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 4.9 | 3.963.732.051 | 8.898.243.685 |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | | 45.000.000 | 90.000.000 |
| VI. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 135.605.870.697 | 134.181.825.688 |
| NGUỒN VỐN | | | | |
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 105.400.131.186 | 79.937.025.240 |

| | | | | |
|-----------------------------------------------|------------|------|------------------------|------------------------|
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 83.079.179.755 | 54.656.404.929 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | 4.10 | 52.628.924.597 | 39.862.410.312 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | | 17.291.773.408 | 13.071.765.478 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | | 231.476.791 | 168.718.715 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | 4.11 | 418.848.963 | 1.009.930 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | | 3.958.008.775 | 698.021.509 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | 4.12 | 3.517.516.118 | 538.986.791 |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | 4.13 | 5.032.631.103 | 315.492.194 |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 22.320.951.431 | 25.280.620.311 |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | 4.14 | 22.305.639.866 | 25.274.719.866 |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | 15.311.565 | 5.900.445 |
| B - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 30.205.739.511 | 54.108.726.165 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | 4.15 | 29.749.739.511 | 54.108.726.165 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | | 41.672.000.000 | 41.672.000.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | | 11.808.000.000 | 11.808.000.000 |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | | (23.730.260.489) | 628.726.165 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | 4.16 | 456.000.000 | - |
| 2. Nguồn kinh phí | 432 | | 456.000.000 | - |
| C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | 439 | | - | 136.074.283 |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 135.605.870.697 | 134.181.825.688 |

2. Bảng báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm 2008 | Năm 2007 |
|---------------------------------------------------------|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | 5.1 | 46.097.495.003 | 65.421.248.628 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 5.1 | 1.567.979.273 | 668.869.026 |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | 5.1 | 44.529.515.730 | 64.752.379.602 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | 5.2 | 38.165.987.120 | 31.174.466.364 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 6.363.528.610 | 33.577.913.238 |

| | | | | |
|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|-------------------------|----------------------|
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | | 12.801.530 | 30.547.264 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | 5.3 | 10.379.930.366 | 6.401.875.778 |
| Trong đó: Chi phí lãi vay | 23 | | 9.871.598.253 | 6.354.269.576 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | 5.5 | 7.895.283.612 | 18.776.202.410 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | 5.5 | 12.001.933.716 | 8.189.532.798 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | (23.900.817.554) | 240.849.516 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | 5.6 | 192.734.033 | 912.780.445 |
| 12. Chi phí khác | 32 | 5.7 | 250.423.227 | 75.160.276 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (57.689.194) | 837.620.169 |
| 14. Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết | 45 | | - | - |
| 15. Lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | (23.958.506.748) | 1.078.469.685 |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | | - | - |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | | - | - |
| 18. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | (23.958.506.748) | 1.078.469.685 |
| 18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số | 61 | | - | (88.795.158) |
| 18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ | 62 | | (23.958.506.748) | 1.167.264.843 |
| 19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*) | 70 | | - | 290 |

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

| CHỈ TIÊU | Mã số | Năm 2008 | Năm 2007 |
|-------------------------------------------------------------------------|-----------|-------------------------|-----------------------|
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | (23.958.506.748) | 1.078.469.685 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản | | | |
| - Khấu hao TSCĐ | 02 | 7.708.572.591 | 7.731.628.002 |
| - Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | 251.753.414 | 11.305.107 |
| - (Lãi) từ hoạt động đầu tư | 05 | (30.782.352) | (180.122.719) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | 9.871.598.253 | 6.354.269.576 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | (6.157.364.842) | 14.995.549.651 |
| - (Tăng) các khoản phải thu | 09 | (13.503.289.139) | (22.670.297.309) |

| | | | |
|-------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|-------------------------|
| - (Tăng) hàng tồn kho | 10 | (123.254.283) | (7.266.558.981) |
| - Tăng (Giảm) các khoản phải trả | 11 | 18.607.387.111 | (13.866.458.438) |
| - (Tăng) chi phí trả trước | 12 | 4.904.751.459 | (7.629.261.199) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | (11.367.330.241) | (6.507.557.018) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | - | (8.000.000) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | 800.000.000 | 223.392.425 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | (344.000.000) | (4.136.750) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | (7.183.099.935) | (42.733.327.619) |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21 | (208.867.676) | (2.139.581.395) |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 22 | 71.253.169 | 3.900.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | - | (1.446.375.000) |
| 7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | 9.660.285 | 3.283.393.938 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | (127.954.222) | (298.662.457) |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | - | 23.388.000.000 |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | 52.137.912.715 | 54.140.692.539 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (44.508.498.636) | (34.479.786.748) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | - | (35.461.607) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 7.629.414.079 | 43.013.444.184 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | 318.359.922 | (18.545.892) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | 735.200.118 | 753.557.029 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | - | 188.981 |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | 1.053.560.040 | 735.200.118 |

V. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Đơn vị kiểm toán độc lập

Công ty Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY

Địa chỉ: Tầng 5-6, số 136 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3755 7446

Fax: (84.4) 3755 7448

2. Ý kiến kiểm toán độc lập

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2008

“Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nam Dược (sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 cùng với Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 4, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, cuộc kiểm toán của chúng tôi bị hạn chế bởi các vấn đề sau:

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng khách quan cần thiết về tính hiện hữu của số dư các khoản công nợ bao gồm: 30,6 tỷ đồng Phải thu khách hàng, hơn 4 tỷ đồng Trả trước người bán, 153 triệu đồng Phải thu khác, 783 triệu đồng Vay ngắn hạn các cá nhân, hơn 15,58 tỷ đồng Phải trả người bán, 191 triệu đồng Người mua trả tiền trước, và 567 triệu đồng Phải trả phải nộp khác. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở đưa ý kiến về các khoản mục này tương ứng với các giá trị nêu trên trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2008 và các ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu liên quan khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Chúng tôi cũng chưa thu thập được các tài liệu hợp lý về việc ghi nhận giao dịch của một số lô hàng hóa, nguyên vật liệu nhập kho với giá vốn 3,7 tỷ đồng và xuất bán với doanh thu 7,2 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá mức độ tin cậy của các giao dịch này cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu Doanh thu, Giá vốn xác định kết quả kinh doanh năm 2008 cũng như các chỉ tiêu liên quan trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.8, tại ngày 31/12/2008, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược đang tạm ngừng hoạt động và khoản đầu tư vào công ty con này đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán của Công ty theo phương pháp giá gốc. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết liên quan đến tình hình tài chính của công ty con này cũng như phương án triển khai hoạt động kinh doanh hoặc xử lý tài chính của các chủ sở hữu làm cơ sở đánh giá khả năng thu hồi của khoản đầu tư dài hạn cũng như giá trị giảm giá khoản đầu tư có thể phải trích lập dự phòng tại ngày 31/12/2008

Số dư "Phải thu khách hàng" tại ngày 31/12/2008 bao gồm khoản phải thu nội bộ với giá trị 812 triệu đồng chưa được phân tích và xử lý. Chúng tôi không đủ cơ sở đánh giá việc loại trừ hoàn toàn các số dư nội bộ tại ngày này cũng như ảnh hưởng của chúng đến việc trình bày các chỉ tiêu liên quan trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán

Như đã trình bày tại thuyết minh số 4.2, số dư "Các khoản phải thu khác" tại ngày 31/12/2008 bao gồm các khoản chi phí không có nguồn bù đắp với số tiền hơn 10,9 tỷ đồng, trong đó, chi phí phát sinh trong năm 2007 là 609 triệu đồng và chi phí phát sinh trong năm 2008 là hơn 10,3 tỷ đồng.

Phần lớn các nội dung chi phí đều liên quan đến hoạt động kinh doanh cần ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm tương ứng và loại trừ chi phí không phù hợp cho mục đích tính thuế.

Số dư "Chi phí trả trước dài hạn" tại ngày 31/12/2008 bao gồm hơn 764 triệu đồng là giá trị được liệu và thuốc đã hủy trong năm do hết thời hạn sử dụng chưa được ghi nhận vào chi phí xác định kết quả kinh doanh trong năm 2008.

Ý kiến

Tính đến thời điểm 31/12/2008, Công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính: tổng công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn, lỗ lũy kế đến 31/12/2008 là 23,7 tỷ đồng (chưa tính tới ảnh hưởng của các điều chỉnh cần thiết liên quan đến các vấn đề chưa thống nhất trong xử lý kế toán). Việc duy trì hoạt động Công ty phụ thuộc vào hỗ trợ tài chính từ các chủ sở hữu, hệ thống Ngân hàng thương mại và phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian tới.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính vì các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo trong điều kiện hoạt động liên tục đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nam Dược tại ngày 31/12/2008, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành tại Việt Nam".

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của của Công ty cổ phần Nam Dược

(Không có)

2. Danh sách các công ty mà Nam Dược nắm giữ trên 50% vốn cổ phần:

| Tên công ty | VĐL (tỷ đồng) | Tỷ lệ sở hữu của Nam Dược |
|------------------------------------------------|--------------------------|------------------------------------------|
| Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược | 30 | 100% |
| Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam | 1 | 100% |

3. Tình hình đầu tư vào các công ty liên quan

- Năm 2008, công ty giữ nguyên mức vốn góp đã đầu tư của năm 2007:

+ Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược: 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*)

+ Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam: 1.000.000.000 (Một tỷ đồng)

Ngoài ra, Công ty đã góp vốn đầu tư thành lập Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Dược với số vốn góp theo cam kết là 510 triệu đồng, chiếm 51% vốn điều lệ, (số vốn đã góp thực tế là 255 triệu đồng). Đến ngày 31/12/2008, Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Nam Dược đang tạm ngừng hoạt động.

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty liên quan

4.1. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược

Trụ sở chính: Lô số M13 (C4-9), Khu công nghiệp Hòa Xá, thành phố Nam Định.

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2008 |
|---------------------|-----------------|
| Tổng tài sản: | 123.805.956 |
| Doanh thu thuần: | 35.608.428 |
| Lợi nhuận sau thuế: | - 17.284.166 |

4.2. Công ty TNHH 01 thành viên Nam Dược Phương Nam

Trụ sở chính: 140/55 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh

Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2008 |
|---------------------|-----------------|
| Tổng tài sản: | 5.434.828 |
| Doanh thu thuần: | 18.232.749 |
| Lợi nhuận sau thuế: | -3.599.100 |

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Ban điều hành của Công ty

Tổng Giám đốc : Ông Lã Xuân Hạnh

Phó Tổng Giám đốc : Ông Hoàng Đức Hải

Kế toán trưởng : Bà Dương Lệ Hường

- Tóm tắt lý lịch các thành viên ban điều hành:

• Ông Lã Xuân Hạnh:

Họ và tên : Lã Xuân Hạnh

Ngày tháng năm sinh : 06/05/1965

Quê quán : Hải Lộc, Hải Hậu, Nam Định

Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học

• **Ông Hoàng Đức Hải:**

Họ và tên : Hoàng Đức Hải

Ngày tháng năm sinh : 23/04/1954

Quê quán : Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Tây

Trình độ chuyên môn : Dược sỹ Đại học

• **Bà Dương Lệ Hường**

Họ và tên : Dương Lệ Hường

Ngày tháng năm sinh : 27/07/1974

Quê quán : Sóc Sơn, Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Trong năm 2008, Công ty vẫn giữ nguyên các nhân sự trong Ban điều hành và Kế toán trưởng. Có 01 thành viên trong Hội đồng quản trị và 01 thành viên trong Ban kiểm soát xin được miễn nhiệm. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại là 06 người và số lượng thành viên Ban kiểm soát là 02 người. Công ty sẽ thực hiện bầu bổ sung 01 thành viên Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

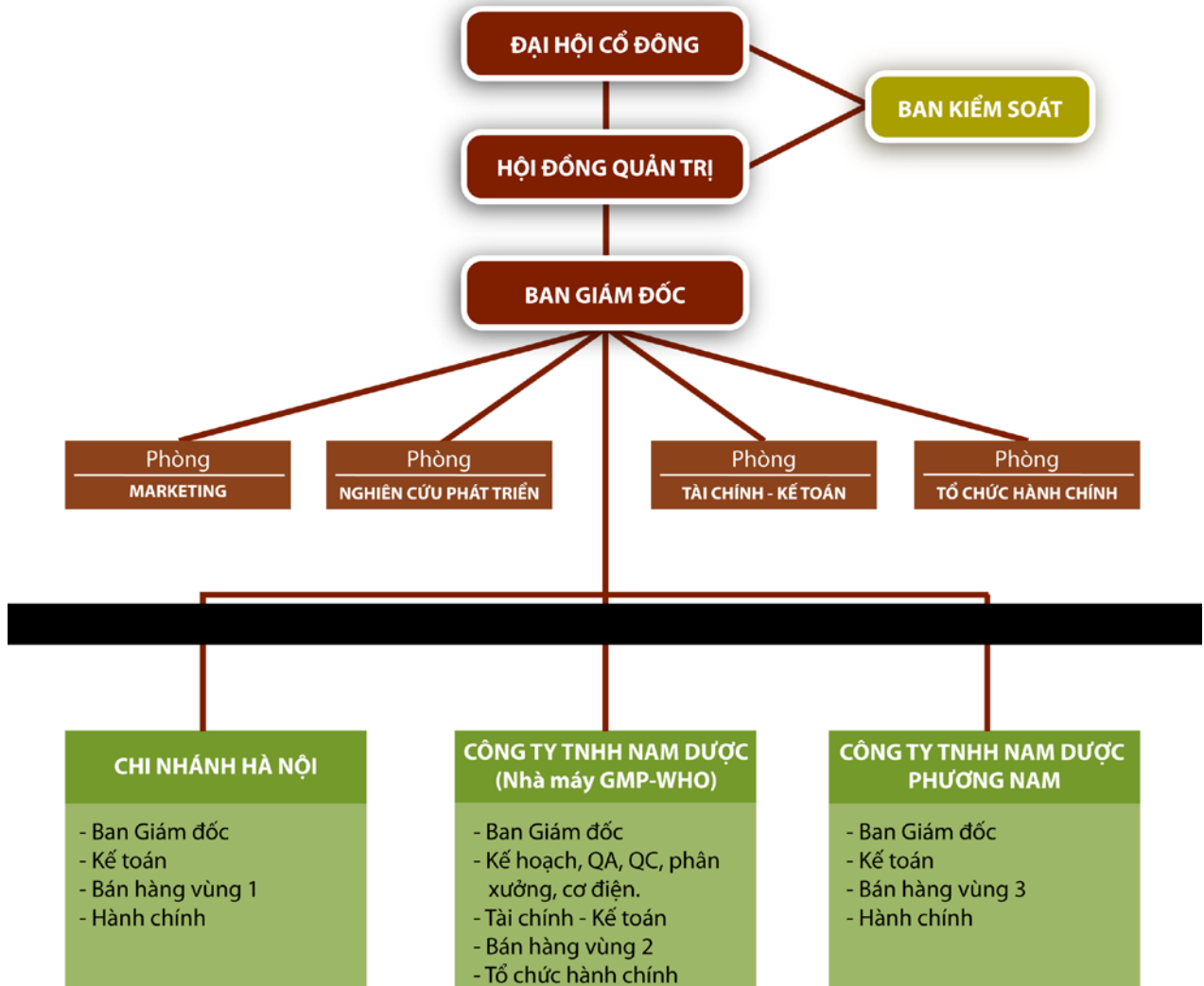
2. Tình hình nhân sự của Công ty năm 2008

Toàn bộ hệ thống Công ty có 271 cán bộ, công nhân viên, trong đó cơ cấu lao động phân chia theo trình độ như sau:

| Trình độ | Số người | Tỷ lệ |
|--------------------------------|-----------------|---------------|
| Trên đại học | 2 | 0,74% |
| Đại học | 65 | 23,99% |
| <i>Trong đó - Đại học Dược</i> | <i>24</i> | <i>8,86%</i> |
| <i>- Đại học khác</i> | <i>41</i> | <i>15,13%</i> |
| Cao đẳng, trung cấp | 56 | 20,66% |
| Công nhân kỹ thuật | 10 | 3,69% |
| Dược tá | 106 | 39,11% |
| Tốt nghiệp phổ thông trung học | 32 | 11,81% |
| Tổng | 271 | 100% |

Công ty luôn thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ, chính sách mà nhà nước quy định đối với người lao động (Bảo hiểm y tế, xã hội, lương thưởng, vệ sinh, an toàn lao động....)

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty cổ phần Nam Dược:



VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị có 07 thành viên, với nhiệm kỳ là 03 năm. Trong năm 2008, có một thành viên xin từ nhiệm nên Hội đồng quản trị còn 06 thành viên.

Ban kiểm soát Công ty có 03 thành viên (trong năm 2008 chỉ còn 02 thành viên do một thành viên vừa từ nhiệm), cùng nhiệm kỳ với nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Thành viên mới sẽ được bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009.

1.2. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông Công ty bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Trong 06 thành viên của Hội đồng quản trị, có 02 thành viên kiêm nhiệm là Ông Lã Xuân Hạnh – Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc và Ông Hoàng Đức Hải – Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc. Các thành viên còn lại độc lập, không tham gia điều hành.

1.3. Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về công việc được giao.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính trung thực, chính xác, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, công tác tổ chức kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Cả hai thành viên của Ban kiểm soát đều là cổ đông của Công ty.

1.4. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và tỷ lệ nắm giữ vốn cổ phần tính đến 31/12/2008:

| TT | Họ và tên | Chức danh | Số CP năm giữ | Tỷ lệ/vốn cổ phần | Thay đổi tỷ lệ |
|-----------------------------|---------------------------|-----------------------------------------------------|---------------|-------------------|----------------|
| I. Hội đồng quản trị | | | | | |
| 01 | Ông Lê Xuân Hạnh | Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc | 139.200 | 3,34% | - |
| 02 | Ông Nguyễn Đỗ Lăng | Đã từ nhiệm | | | |
| 03 | Ông Nguyễn Văn Giang | Phó chủ tịch | 322.200 | 7,72 % | - |
| 04 | Bà Nguyễn Ngọc Oanh | Thành viên | 150.000 | 3,59% | - |
| 05 | Bà Dương Thị Lan | Thành viên | 50.000 | 1,2 % | -5.800 |
| 06 | Ông Hoàng Đức Hải | Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc | 165.000 | 3,95 % | - |
| 07 | Ông Vũ Mạnh Cường | Thành viên | 43.200 | 1,03 % | - |
| II. Ban kiểm soát | | | | | |
| 01 | Bà Vũ Thị Nga | Trưởng ban | 7.500 | 0,18% | - |
| 02 | Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương | Thành viên | 35.000 | 0,84% | - |
| III. Ban điều hành | | | | | |
| 01 | Ông Lê Xuân Hạnh | | | | |
| 02 | Ông Hoàng Đức Hải | | | | |
| 03 | Bà Dương Lệ Hường | Kế toán trưởng | 10.000 | 0,23 | - |

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông góp vốn

Cơ cấu cổ đông Công ty cổ phần Nam Dược tại thời điểm 31/12/2008:

| STT | Cổ đông | SL cổ đông | Số cổ phần năm giữ | Tỷ trọng |
|-----|------------------|------------|--------------------|----------|
| 01 | Cổ đông nhà nước | - | - | - |

| | | | | |
|-------------|-----------------------|------------|------------------|-------------|
| 02 | Cán bộ công nhân viên | 117 | 757.270 | 18,17% |
| 03 | Cổ đông bên ngoài | 266 | 3.409.930 | 81,83% |
| Tổng | | 383 | 4.167.200 | 100% |

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần Công ty cổ phần Nam Dược tại thời điểm 31/12/2008

| STT | Tên cổ đông | Địa chỉ | Số cổ phiếu | Tỷ lệ/VĐL(%) |
|-----|----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|-------------|--------------|
| 01 | Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương | Tầng 8 toà nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội | 500.000 | 12% |
| 02 | Nguyễn Văn Giang | Khối 5, tổ 40, Thị trấn Đông Anh – Hà Nội | 322.000 | 7,72% |

Thông tin chi tiết về các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty:

a. Công ty cổ phần chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương

- Địa chỉ: Tầng 8 toà nhà VCCI Số 9 Đào Duy Anh, Quận Đống Đa, Hà Nội
 - Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015146 ngày 21 tháng 12 năm 2006 do Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà Nội cấp và Giấy phép kinh doanh chứng khoán số 37/UBCK-GPHĐKD ngày 26/12/2006 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

- Vốn điều lệ: 260.000.000.000 đồng (*Hai trăm sáu mươi tỷ đồng*)

- Ngành nghề hoạt động:

* Môi giới chứng khoán

* Tư vấn phương án cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước.

* Tư vấn xử lý các vấn đề tài chính khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước

* Tư vấn bán đấu giá cổ phần

* Tư vấn phương án tăng vốn điều lệ

* Tư vấn tái cơ cấu tài chính

* Tư vấn đăng ký giao dịch, niêm yết

* Tư vấn đầu tư chứng khoán

* Bảo lãnh phát hành chứng khoán

* Lưu ký chứng khoán

- Thay đổi về tỷ lệ cổ phần sở hữu: Không

b. Ông Nguyễn Văn Giang

- Địa chỉ thường trú: Khối 5, tổ 40, Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội

- Ngày tháng năm sinh: 02/10/1959

- Nghề nghiệp: Kỹ sư chế tạo máy

- Thay đổi về tỷ lệ cổ phần sở hữu: Không

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Lã Xuân Hạnh